

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất  
trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI  
KHOÁ XIII KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của  
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất  
đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất  
đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh  
quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Xét Tờ trình số 131/TTr-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết thông qua bổ sung danh mục công  
trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo  
cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo  
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi  
đất trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất theo khoản 3 Điều  
62 Luật Đất đai (chi tiết tại Biểu 01 và các Biểu từ 1.1 đến 1.4 kèm theo Nghị  
quyết).

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Tiếp tục thực hiện thu hồi đất trong năm 2022 đối với công trình Mở rộng nghĩa trang nhân dân Gò Mít, xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành (chi tiết tại Biểu 02 kèm theo Nghị quyết).

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 06 tháng 9 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 9 năm 2022./.

### **Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBND tỉnh;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, KTNS(02).đta.

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Thị Quỳnh Vân**

Biểu 01:



**BẢNG TỔNG HỢP  
CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 CẤP HUYỆN**

*(Kèm theo Nghị quyết số 20../2022/NQ-HĐND ngày 06/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

TT	Tên huyện, thị xã	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Ghi chú
1	Huyện Tư Nghĩa	2	31,5	82.500,0	Biểu 1.1
2	Huyện Mộ Đức	7	15,53	15.530,0	Biểu 1.2
3	Huyện Nghĩa Hành	11	54,6	54.600,0	Biểu 1.3
4	Thị xã Đức Phổ	21	39,29	39.290,0	Biểu 1.4
	<b>Tổng</b>	<b>41</b>	<b>140,92</b>	<b>191.920,0</b>	



Biểu 1.1

**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN TƯ NGHĨA**  
(Kèm theo Nghị quyết số 20../2022/NQ-HĐND ngày 06/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vón	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
1	Khu tái định cư đồng Bà Thơi, thôn An Hội Nam 2 phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	20,5	Xã Nghĩa Kỳ	Tờ bản đồ số 22, xã Nghĩa Kỳ	Các Công văn số 1613/UBND-KTN ngày 08/4/2022; 1764/UBND-KTN ngày 20/4/2022, 2004/UBND-KTN ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh	27.500	27.500				
2	Khu tái định cư An Hội Bắc 1, thôn An Hội Bắc 1 phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	11,00	Xã Nghĩa Kỳ	Tờ bản đồ số 7, 8, 12, 13, xã Nghĩa Kỳ	Các Công văn số 1613/UBND-KTN ngày 08/4/2022; 1764/UBND-KTN ngày 20/4/2022, 2004/UBND-KTN ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh	55.000	55.000				
<b>Tổng cộng: 02 công trình, dự án</b>		<b>31,50</b>				<b>82.500,0</b>	<b>82.500,0</b>	-	-	-	



Biểu 1.2

**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN MỘ ĐỨC**  
(Kèm theo Nghị quyết số 20./2022/NQ-HĐND ngày 06/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch	Địa điểm (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Công văn, chủ trương	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư				Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện		Ngân sách cấp xã
1	Khu tái định cư Đồng Ngõ, thôn Phước Hiệp, xã Đức Hòa phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	3,90	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức	Tờ bản đồ 11	Các Công văn số 1613/UBND-KTN ngày 08/4/2022; 1764/UBND-KTN ngày 20/4/2022, 2004/UBND-KTN ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh	3.900,0	3.900,0				
2	Khu tái định cư Đồng Ao, thôn Phước Lương, xã Đức Hòa phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	3,00	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức	Tờ bản đồ 15	Các Công văn số 1613/UBND-KTN ngày 08/4/2022; 1764/UBND-KTN ngày 20/4/2022, 2004/UBND-KTN ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh	3.000,0	3.000,0				
3	Khu tái định cư thôn 4, xã Đức Tân phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	3,03	Xã Đức Tân, huyện Mộ Đức	Tờ bản đồ 8	Các Công văn số 1613/UBND-KTN ngày 08/4/2022; 1764/UBND-KTN ngày 20/4/2022, 2004/UBND-KTN ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh	3.030,0	3.030,0				





STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch	Địa điểm (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Công văn, chủ trương	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư				Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện		Ngân sách cấp xã
4	Khu tái định cư thôn Tú Sơn 2, xã Đức Lâm phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	4,50	Xã Đức Lâm, huyện Mộ Đức	Tờ bản đồ 40	Các Công văn số 1613/UBND-KTN ngày 08/4/2022; 1764/UBND-KTN ngày 20/4/2022, 2004/UBND-KTN ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh	4.500,0	4.500,0				
5	Khu nghĩa địa Phía Bắc Núi Thị, xã Đức Hòa phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	0,50	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức	Tờ bản đồ 19	Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.	500,0	500,0				
6	Khu nghĩa địa Phía Nam Núi Thị, xã Đức Tân phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	0,30	Xã Đức Tân, huyện Mộ Đức	Tờ bản đồ 10	Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.	300,0	300,0				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch	Địa điểm (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Công văn, chủ trương	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư				Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó			
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	
7	Khu nghĩa địa phía Tây đường Tân Phong, xã Đức Lân phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	0,30	Xã Đức Lân, huyện Mộ Đức	Tờ bản đồ 38	Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.	300,0	300,0			
<b>Tổng cộng 07 công trình</b>		<b>15,53</b>				<b>15.530,0</b>	<b>15.530,0</b>			

Biểu 1.3

**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN NGHĨA HÀNH**  
(Kèm theo Nghị quyết số 20../2022/NQ-HĐND ngày 06/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
1	Khu tái định cư Đồng Trước An Định	8,83	Xã Hành Dũng	Tờ bản đồ số 11	Các Công văn số: 1613/UBND-KTN ngày 08/4/2022; 1764/UBND-KTN ngày 20/4/2022; 2004/UBND-KTN ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh	8.830,0	8.830,0				
2	Khu tái định cư Đồng An Sơn	6,56	Xã Hành Dũng	Tờ bản đồ số 17	Các Công văn số: 1613/UBND-KTN ngày 08/4/2022; 1764/UBND-KTN ngày 20/4/2022; 2004/UBND-KTN ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh	6.560,0	6.560,0				
3	Khu tái định cư Đồng Giá	12,77	Xã Hành Minh	Tờ bản đồ số 3, 5, 7, 10	Các Công văn số: 1613/UBND-KTN ngày 08/4/2022; 1764/UBND-KTN ngày 20/4/2022; 2004/UBND-KTN ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh	12.770,0	12.770,0				
4	Khu tái định cư Kỳ Thọ Nam 2	7,55	Xã Hành Đức	Tờ bản đồ số 10	Các Công văn số: 1613/UBND-KTN ngày 08/4/2022; 1764/UBND-KTN ngày 20/4/2022; 2004/UBND-KTN ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh	7.550,0	7.550,0				
5	Khu tái định cư Đồng cây Trâm Trong	6,10	Xã Hành Phước	Tờ bản đồ số 16, 21	Các Công văn số: 1613/UBND-KTN ngày 08/4/2022; 1764/UBND-KTN ngày 20/4/2022; 2004/UBND-KTN ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh	6.100,0	6.100,0				



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
6	Khu tái định cư Đồng Xuân	9,40	Xã Hành Thịnh	Tờ bản đồ số 6, 7	Các Công văn số: 1613/UBND-KTN ngày 08/4/2022; 1764/UBND-KTN ngày 20/4/2022; 2004/UBND-KTN ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh	9.400,0	9.400,0				
7	Khu Nghĩa địa thôn An Định	0,72	Xã Hành Dũng	Thửa 16, tờ 7		720,0	720,0				
8	Khu Nghĩa địa thôn An Sơn	0,10	Xã Hành Dũng	Thửa 890, tờ bản đồ số 18		100,0	100,0				
9	Khu Nghĩa địa Gò Xoài	0,50	Xã Hành Minh	Thửa 678, tờ 13		500,0	500,0				
10	Nghĩa địa Mu Rùa	0,05	Xã Hành Đức	Thửa 636, tờ 13		50,0	50,0				
11	Khu Nghĩa trang Nhân dân Núi Rổ - Gò Rộng	2,02	Xã Hành Thịnh	Thửa 88, 109, 118 tờ bản đồ số 16		2.020,0	2.020,0				
	<b>Tổng cộng: 11 công trình, dự án</b>	<b>54,60</b>				<b>54.600,0</b>	<b>54.600,0</b>	-	-	-	

Biểu 1.4

**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 THỊ XÃ ĐỨC PHỐ**

(Kèm theo Nghị quyết số 20./2022/NQ-HĐND ngày 06/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

13	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, Quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã, phường	
1	Khu TĐC Bàu Lê phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	0,50	Phường Nguyễn Nghiêm	TBĐ số 24		500,00	500,00				
2	Khu TĐC Đồng Mốc phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	4,44	Phường Phổ Ninh	TBĐ số 17		4440,00	4440,00				
3	Khu TĐC Đồng Cây Bút phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	1,30	Phường Phổ Hòa	TBĐ số 8		1300,00	1300,00				
4	Khu TĐC Đồng Hóc phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	3,00	Phường Phổ Hòa	TBĐ số 22, 23		3000,00	3000,00				



13	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, Quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư				Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		Ngân sách cấp xã, phường
5	Khu TĐC xóm 4, thôn Xuân Thành phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	2,23	Xã Phô Cường	TBĐ số 37		2230,00	2230,00				
6	Khu TĐC xóm 5, thôn Xuân Thành phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	0,90	Xã Phô Cường	TBĐ số 51, 56		900,00	900,00				
7	Khu TĐC Đồng Hàng Da, thôn Thanh Sơn phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	0,80	Xã Phô Cường	TBĐ số 2		800,00	800,00				
8	Khu TĐC Đồng Gò Tre phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	7,44	Xã Phô Phong	TBĐ số 21, 22		7440,00	7440,00				
9	Khu TĐC Đồng Cầu Thi phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	2,10	Xã Phô Phong	TBĐ số 43, 54		2100,00	2100,00				



13	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, Quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư				Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		Ngân sách cấp xã, phường
10	Khu TĐC Đồng Máng phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	4,80	Xã Phổ Phong	TBĐ số 43,54		4800,00	4800,00				
11	Khu TĐC Đồng Ông Di và Cây Da phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	9,50	xã Phổ Nhơn	TBĐ số 21, 22		9500,00	9500,00				
12	Khu nghĩa địa tại xã Phổ Nhơn phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	0,21	Xã Phổ Nhơn	TBĐ số 17	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ về việc Triển khai Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	210,00	210,00				
13	Khu nghĩa địa tại phường Phổ Ninh phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	0,32	Phường Phổ Ninh	TBĐ số 10,11		320,00	320,00				

13	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, Quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã, phường	
14	Khu nghĩa địa tại Nghĩa địa An Thường, phường Phổ Hòa phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	0,10	Phường Phổ Hòa	TBĐ số 8		100,00	100,00				
15	Khu nghĩa địa tại Nghĩa địa Hiền Văn, phường Phổ Hòa phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	0,10	Phường Phổ Hòa	TBĐ số 27		100,00	100,00				
16	Khu nghĩa địa tại Nghĩa địa Nho Lâm, phường Phổ Hòa phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	0,10	Phường Phổ Hòa	TBĐ số 17, 22, 23		100,00	100,00				
17	Khu nghĩa địa tại Nghĩa địa Gò bà Giá, xã Phổ Cường phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	0,41	Xã Phổ Cường	TBĐ số 27		410,00	410,00				
18	Khu nghĩa địa tại Nghĩa địa Gò ông Thành, xã Phổ Cường phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	0,47	Xã Phổ Cường	TBĐ số 42		470,00	470,00				

13	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, Quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư				Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		Ngân sách cấp xã, phường
19	Khu nghĩa địa tại Nghĩa địa thôn Thanh Sơn, xã Phở Cường phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	0,32	Xã Phở Cường	TBĐ số 50		320,00	320,00				
20	Khu nghĩa địa tại Nghĩa trang nhân dân Xương Rồng, xã Phở Phong phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	0,15	Xã Phở Phong	TBĐ số 55		150,00	150,00				
21	Khu nghĩa địa tại Nghĩa trang nhân dân Rẫy Bằng, xã Phở Phong phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	0,10	Xã Phở Phong	TBĐ số 10		100,00	100,00				
<b>Tổng cộng 21 công trình</b>		<b>39,29</b>				<b>39.290,0</b>	<b>39.290,0</b>				

Biểu 02:

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN NGHĨA HÀNH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 20../2022/NQ-HĐND ngày 06/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	Ghi chú
1	Mở rộng nghĩa trang nhân dân Gò Mít	1,97	Xã Hành Phước	Tờ bản đồ số 15, xã Hành Phước	Để tiếp tục thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam giai đoạn 2021 - 2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	KHSĐĐ năm 2017
	<b>Tổng cộng: 01 công trình, dự án</b>	<b>1,97</b>				